

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 09 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Hằng

2. Bà Hoàng Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2022/TLST - HNGĐ ngày 13/04/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 của TAND huyện Quảng Xương giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H1 - SN 1984 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Quảng Nh, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn H2 - SN 1977 (vắng mặt không có lý do)

Nơi cư trú: Thôn T Th, xã Quảng Đ, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị H1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đặng Thị H1 và anh Lê Văn H2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/01/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ 06/2017 đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H2.

Về con chung: Chị và anh H2 có 02 con chung là Lê Thị H3, sinh ngày 10/9/2003 và Lê Văn K, sinh ngày 30/10/2009. Cháu H3 hiện nay đã thành niên nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết còn cháu K hiện đang ở với chị H1 nên chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K; chị không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị làm công nhân công ty giày da, thu nhập thu nhập ổn định trung bình mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng), chị có nơi ở ổn định, chị khẳng định có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con tốt nên không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và vay nợ: Chị Đặng Thị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía bị đơn:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn H2 và nhiều lần mời anh Hoà đến làm việc. Tuy nhiên, anh H2 không có mặt và không chấp hành yêu cầu của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H1.

Tại bản tự khai của cháu Lê Văn K: Cháu K trình bày ý kiến có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được tiếp tục ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại địa phương: Anh H2 và chị H1 xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017, từ đó vợ chồng không ở chung với nhau nữa, chị H1 về nhà bố mẹ để ở xã Quảng Nh, huyện Quảng Xương. Nguyên nhân mâu thuẫn của gia đình như thế nào thì địa phương không rõ. Anh chị không báo cáo chính quyền địa phương, chỉ nghe nói anh chị đã mâu thuẫn và ly thân từ lâu. Nay chị H1 có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương giải quyết theo quy định.

Ngoài ra, cháu Lê Thị H3 hiện đã 19 tuổi (là con của anh H2, chị H1) cũng trình bày ý kiến: Cháu biết bố mẹ đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cháu nhiều lần chứng kiến bố mẹ cãi nhau, bố mẹ đã ly thân từ năm 2017, mẹ về ở hẳn bên nhà ngoại. Cháu đã nhiều lần tâm sự với bố mẹ, khuyên bố mẹ nhún nhường để chung sống với nhau, nhưng không được.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ các Điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị

Đặng Thị H1, cho chị H1 được ly hôn anh H2; về con chung: Giao cháu Lê Văn K cho chị H1 được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị H1 không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản: chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên toà, chị H1 có đơn đề nghị toà án xét xử vắng mặt; anh H2 vắng mặt không rõ lý do lần thứ 2, vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt chị H1 và anh H2 theo quy định tại khoản 1,2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu của chị Đặng Thị H1:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị H1 và anh Lê Văn H2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Đ, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa ngày 23/01/2003 như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị H1 trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Tình cảm vợ không thể hàn gắn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H2.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án, nhiều lần thông báo cho anh đến Tòa án để giải quyết và tham gia phiên họp và phiên hòa giải nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, điều này chứng tỏ anh không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình và không có ý muốn hàn gắn tình cảm với chị H1. Con chung của anh chị cũng thừa nhận cha mẹ hay cãi vã, chính quyền địa phương cũng xác nhận anh chị không còn chung sống.

Vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc chị H1 yêu cầu được ly hôn anh H2 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51,56 của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh H2 và chị H1 có 02 con chung là Lê Thị H3, sinh ngày 10/09/2003 và Lê Văn K, sinh ngày 30/10/2009. Cháu H3 hiện đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết. Cháu K hiện đang ở cùng chị H1 tại xã Quảng

Nh, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa; cháu học trường trung học Quảng Nh. Cháu trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục ở với mẹ. Chị H1 hiện đang làm công nhân công ty giày da, thu nhập ổn định mỗi tháng 10.000.000đ, có nơi ở ổn định nên chị không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh H2 không có ý kiến trình bày về nuôi con. Vì vậy, giao cháu K cho chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và vay nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H1.

- Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị H1 được ly hôn anh Lê Văn H2.

- Về con chung: Anh Lê Văn H2 và chị Đặng Thị H1 có 02 con chung là Lê Thị H3, sinh ngày 10/09/2003 và Lê Văn K, sinh ngày 30/10/2009. Cháu H3 đã thành niên nên chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Lê Văn K cho chị Đặng Thị H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lê Văn H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1.

Anh Lê Văn H2 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản và vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Chị Đặng Thị H1 phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H1 đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009370 ngày 13/04/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. Chị H1 đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thị H1 và bị đơn anh Lê Văn H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã Quảng Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Huyền

